

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI

Nguyễn Hồng Khanh, Chu Thị Thu Huyền, Nguyễn Đức Việt

Cục Thủy lợi

Tóm tắt: Nhằm tạo sự thay đổi căn bản trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước và thay thế cho cơ chế thủy lợi phí đã kéo dài hàng chục năm nay, trong đó chính sách hỗ trợ đã được thực hiện từ năm 2008 trở lại đây. Từ năm 2017, Nhà nước đã chuyển đổi sang theo chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi sau khi thủy lợi phí không còn trong danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí. Luật Thủy lợi được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2017 đã quy định cụ thể hơn các nội dung liên quan đến chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Đây là chính sách mới, kỳ vọng mang tính đột phá, có sự tác động đến nhiều bên liên quan ở cả đối tượng thực thi chính sách và thụ hưởng chính sách từ cấp Trung ương và địa phương. Quá trình triển khai chính sách này, tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng bên cạnh đó, đến nay vẫn còn rất nhiều tồn tại, khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ. Ngày 19/6/2023, Quốc hội đã ban hành Luật Giá (sửa đổi), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, trong đó có quy định nội dung về thẩm quyền quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Đánh giá thực trạng và nghiên cứu các bài học kinh nghiệm trên thế giới là cần thiết để đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong thời gian tới. Chuyên đề này không đánh giá toàn bộ, mà chỉ tập trung vào một số khó khăn, bất cập lớn trong quá trình thực hiện chính sách.

Từ khóa: Giá nước, định giá thủy lợi, công trình thủy lợi, an ninh nguồn nước.

Summary: In order to make a fundamental change in the management and exploitation of hydraulic works, contributing to ensure water security and replacing the water subsidies' mechanism lasted ten years. Since 2017, the Vietnamese Government has changed the water prices for irrigation products and services after the irrigation fee not mentioned in the list per Law on Fees and Charges. The Law on Hydraulic Works passed by the National Assembly on June 19, 2017, has more specific provisions related to the policy on water prices for irrigation products and services, and support for using the public irrigation products and services. This is a progressive policy, expected to be breakthrough, with impacts on many stakeholders at both policy implementers and policy beneficiaries from central and local levels. Although the implementation process has achieved certain results, besides that, there are still some difficulties and obstacles that need to be solved. On June 19, 2023, the National Assembly promulgated the Amended Law on Prices, that will come into effect on July 1, 2024, in which, has provisions relating to the competence to decide on specific prices of the water prices for irrigation products and services. Assessment of the current situation and lessons learned in the world are necessary to propose solutions to effectively implement the water prices policy for irrigation products and services in the coming time. This article does not holistic evaluation, it is only focuses on some major difficulties and inadequacies in the implementation of policy.

Keywords: Water price, pricing water products, hydraulic works, water security.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủy lợi có vai trò hết sức quan trọng trong

bảo đảm cấp nước, tưới, tiêu phục vụ sản xuất, ổn định sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế khác (công nghiệp, giao thông thủy, cấp nước sinh hoạt, phát điện, du lịch...). Các chính sách liên quan đến thủy lợi hầu hết

Ngày nhận bài 17/8/2023

Ngày thông qua phản biện 20/9/2023

Ngày duyệt đăng 13/10/2023

mang tính chất an sinh xã hội rất cao, thể hiện sự quan tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước đến người nông dân.

Nhằm giảm một phần chi phí phải đóng góp của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị các mặt hàng nông sản, Chính phủ đã thực hiện chính sách miễn, giảm thủy lợi phí cho người dân từ năm 2008 đến năm 2016. Theo đó, Nhà nước hỗ trợ trả thủy lợi phí cho bên cung cấp dịch vụ thủy lợi là các đơn vị khai thác công trình thủy lợi; người nông dân vẫn phải tự nộp kinh phí thủy lợi nội đồng để đảm bảo công tác phân phối nước, bảo dưỡng, vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

Ngày 01/01/2017, Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 chính thức có hiệu lực, trong đó thủy lợi phí là một trong 17 loại phí chuyển sang cơ chế giá do Nhà nước định giá, thực hiện theo quy định của Luật Giá số 11/2012/QH13 [1]. Ngày 19/6/2017, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 [2] được Quốc hội thông qua đã quy định cụ thể hơn các nội dung liên quan đến chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI

Trên thế giới, chính sách thủy lợi phí, giá nước hoặc giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (nước được cung cấp từ công trình thủy lợi) phục vụ sản xuất, sinh hoạt và các ngành kinh tế đã được áp dụng từ lâu. Quan điểm của Chính phủ các quốc gia để thực thi chính sách cũng có nhiều điểm khác biệt, có thể phân thành 2 nhóm cơ bản như sau:

- **Nhóm 1.** Các nước phát triển:

+ Tạo xu thế và nhận thức chung “Nước là hàng hóa”, đưa nước, kể cả nước phục vụ

nông nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường. Theo đó, nước đã trở thành vấn đề quốc gia trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước.

+ Thu giá nước cho nông nghiệp (như Úc), không chỉ bù đắp chi phí O&M mà còn tìm cách thu hồi được cả chi phí đầu tư.

- **Nhóm 2.** Các nước đang phát triển:

+ Trọng tâm vào vấn đề “Đảm bảo an ninh lương thực”.

+ Bù giá dẫn đến khai thác quá mức và lãng phí nguồn tài nguyên nước.

+ Hầu hết phương án giá muốn khả thi thực hiện đều phải có chính sách "Trợ giá". Nguyên nhân, do chất lượng dịch vụ và phụ thuộc vào sự sẵn sàng đóng góp của người sử dụng nước.

Hình thức định giá nước cơ bản giống nhau về phương thức tổ chức thực hiện, cụ thể là phương án giá chủ yếu vẫn do các doanh nghiệp phụ trách phân phối nước trực tiếp xây dựng, trình và thương thảo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước khi thực hiện, nhưng có sự khác biệt lớn về các cơ cấu thành phần hình thành giá nước. Ví dụ: Ở Mỹ, toàn bộ các chi phí (đầu tư, O&M,...) cộng thêm tiền lãi dịch vụ hàng năm; Úc là toàn bộ chi phí công thêm chi phí quy hoạch thủy lợi; Pháp là toàn bộ các chi phí cộng thêm chi phí quy hoạch, kiểm soát nước thải, nâng cao chất lượng nước,...

Trên thực tế, một số giải pháp hướng đến cần thực hiện trong thời gian tới tại các quốc gia phát triển:

- Giá nước bền vững cần có hợp tác đa ngành và cơ cấu quản lý giá hợp lý.

- Cần xây dựng lộ trình thu hồi vốn đầu tư

ban đầu, nhưng cũng tránh vượt quá khả năng chi trả của người sử dụng nước.

- Khái niệm “*Hạn ngạch nước*” và “*Kiểm soát hạn ngạch nước*” trong nông nghiệp theo cách mà Israel và Trung Quốc đang thí điểm triển khai ở một số công trình thủy lợi, có thể coi là công cụ để kiểm soát giá nước và nâng cao hiệu quả, sử dụng nước tiết kiệm. [3]

3. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI TẠI VIỆT NAM

3.1. Quy trình xây dựng và thẩm quyền ban hành phương án giá

Thực hiện Luật Thủy lợi 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 [4] hướng dẫn các đơn vị khai thác công trình thủy lợi từ trung ương đến địa phương thực hiện xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Hồ sơ phương án giá được cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, tài chính tổ chức thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước ngày 31/3 năm trước năm kế hoạch).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp các hồ sơ phương án trên và gửi Bộ Tài chính (trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch) để Bộ Tài chính thông báo giá tối đa đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác. Đây là căn cứ để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện.

3.2. Kết quả thực hiện

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi¹

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư, Quyết định quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong giai đoạn 2018-2020. Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành giá cụ thể của 3 Công ty thuộc Bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành giá cụ thể trên địa bàn. Mức giá giai đoạn này bằng với mức thủy lợi phí quy định tại Nghị định 67/2012/NĐ-CP, ngày 10/9/2012 của Chính phủ. Mức giá này cũng được kéo dài đến năm 2021.

Đến năm 2022 và năm 2023, hầu hết các địa phương, đơn vị thực hiện mức giá cụ thể bằng mức giá đã thực hiện năm trước, do hầu hết các phương án giá tăng thêm không được chấp thuận Bộ Tài chính chấp thuận. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT (đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trực thuộc Bộ) quyết định mức giá cụ thể năm kế hoạch bằng năm trước năm kế hoạch. Điều này phù hợp với quy định của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP.

b) Đối với giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác²

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BTC quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác cho 5 đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên và 2 văn bản thông báo khung giá khác của các tỉnh Khánh Hòa và Đắk Nông.

¹ Khoản 2, Điều 30, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14

² Khoản 3, Điều 30, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14

Bảng 1: Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của một số đơn vị khai thác CTTL

TT	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Đơn vị tính	Khung giá
1	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa		
-	Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp	Đồng/m ³	900 - 1.300
-	Kết hợp phát điện	% giá trị điện thương phẩm	8,0 - 12,7
2	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi thủy lợi Bắc Nam Hà		
-	Kết hợp giao thông (sử dụng âu thuyền, công kết hợp giao thông thủy)	Đồng/ tấn/ lần	6.636 - 6.818
3	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi thủy lợi Bắc Hưng Hải		
-	Kết hợp giao thông (sử dụng âu thuyền, công kết hợp giao thông thủy)	Đồng/ tấn/ lần	6.521 - 7.138
4	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 3		
-	Kết hợp phát điện	% giá trị điện thương phẩm	8,0 – 8,5
5	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 5		
-	Kết hợp phát điện	% giá trị điện thương phẩm	8,0 – 9,16
6	Tỉnh Hưng Yên		
-	Tiêu nước cho khu công nghiệp bao gồm cả các nhà máy công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	Đồng/ ha tiêu lưu vực/ năm	1.370.000 – 1.632.500

Nguồn: Cục Thủy lợi, 2023

2.3. Mức giá

a) Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 có hiệu lực thực hiện từ 1/1/2017. Năm 2017, chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi bắt đầu thực hiện. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Mức giá tối đa này bằng mức thủy lợi phí được Chính phủ quy định tại Nghị định số

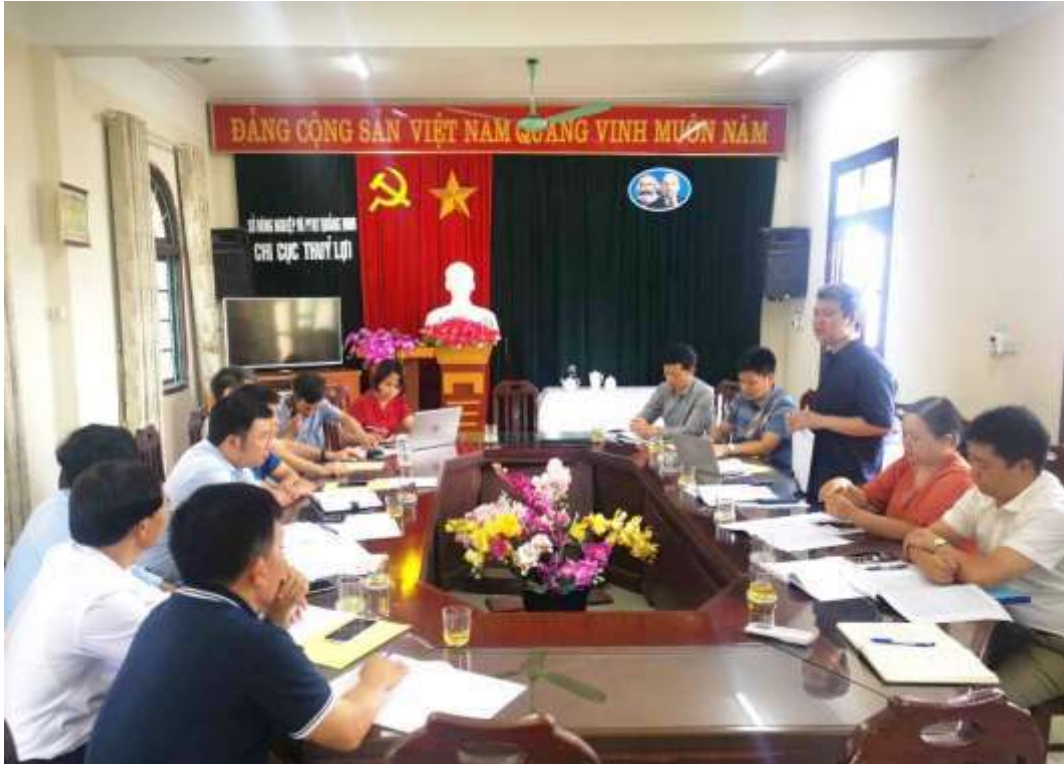
67/2012/NĐ-CP. Sau khi Nghị định số 96/2018/NĐ-CP có hiệu lực, Bộ Tài chính ban hành một số Quyết định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, tuy nhiên mức giá tiếp tục ổn định cho đến nay.

b) Khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:

Đối với khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của 8 đơn vị được ban hành khung giá: Giá trị tối thiểu của khung giá hầu hết bằng giá trị tối thiểu của khung tiền nước được quy định tại Nghị định số

67/2012/NĐ-CP. Tuy nhiên, các mức giá khác này cũng chỉ được các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng trong phạm vi của đơn vị, không được hoặc khó có cơ sở

để áp dụng ở phạm vi, địa bàn khác. Nhiều địa phương do khó khăn trong việc xây dựng phương án giá nên vẫn sử dụng mức thu như đã thực hiện trước đây.



Hình 1: Khảo sát thực tế việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Sở NN&PTNT Quảng Ninh, 2022

4. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Thứ nhất, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành ngay sau ngày ký ban hành và không có điều khoản chuyển tiếp (Nghị định được Chính phủ ban hành vào ngày 30/6/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018). Do vậy, các tổ chức khai thác công trình thủy lợi không kịp xây dựng phương án giá khác để áp dụng trong 6 tháng cuối năm 2018 và năm 2019. Do không xây dựng được phương án giá hoặc phương án giá chưa được chấp thuận, Bộ Tài chính mới quy định và thông báo khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác cho 8 đơn vị khai thác công trình thủy lợi. Như vậy, còn nhiều đơn vị khác

trên cả nước chưa có khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

Thứ hai, từ nhiều năm trước, ngành thủy lợi thực hiện theo cơ chế phí, được Nhà nước quy định mức phí cụ thể. Chính sách về giá là rất mới đối với ngành thủy lợi, phải thực hiện tính toán, xây dựng phương án giá theo đặc thù của từng đơn vị, đặc điểm của từng hệ thống nên gặp rất nhiều lúng túng, khó khăn trong quá trình triển khai, có địa phương ít quan tâm, chỉ trông chờ vào trung ương quy định cụ thể. Cho dù đã tổ chức nhiều buổi đào tạo, tập huấn triển khai hoặc có cán bộ chuyên ngành về tài chính, giá về địa phương hỗ trợ thực hiện cụ thể, trực tiếp. Kinh nghiệm từ Úc cho thấy quá

trình triển khai cơ chế giá vào thực tiễn cũng phải mất trên 20 năm.

Thứ ba, các phương án giá mới chỉ được các đơn vị khai thác thủy lợi cấp tỉnh tiếp cận, triển khai thực hiện. Còn hàng ngàn tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý hàng chục nghìn công trình thủy lợi độc lập khó có thể xây dựng phương án giá do nhân lực, năng lực của mỗi tổ chức rất thiếu, hồ sơ công trình không đầy đủ; sổ sách kế toán, chứng từ không đảm bảo yêu cầu...

Một số địa phương được giao Chi cục Thủy lợi và các huyện (cơ quan hành chính, chức năng quản lý nhà nước là chính) quản lý, khai thác công trình thủy lợi gặp khó khăn do thiếu cán bộ, giao đơn vị làm đầu mối thực hiện, thậm chí tổng hợp thu, chi từ nguồn hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi hàng năm cũng đã rất khó khăn.

Thứ tư, giá công ích thủy lợi hiện nay đang được Nhà nước trả thay cho người dân bằng mức phí quy định năm 2012, chủ yếu đảm bảo kinh phí quản lý, vận hành, chưa đủ cho các nhu cầu tối thiểu. Với cách tính giá hiện nay, cơ bản loại bỏ chi phí khấu hao, chủ yếu căn cứ vào số liệu của năm trước thì phương án giá không phản ánh hết được bản chất của vấn đề vướng mắc, do vậy, sẽ rất khó xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để có cơ sở tăng phần thu dịch vụ khác, nhằm giảm chi phí hỗ trợ của Nhà nước.

Tổng hợp từ nhu cầu và kết quả tính toán thực tế của đơn vị địa phương, mức giá công ích năm 2023 gấp 1,5-2,5 lần so với giá tối đa. Nguyên nhân chính của việc tăng giá là giá đầu vào của hầu hết các khoản mục chi phí (lương và các khoản theo lương tăng theo lộ trình của Nhà nước; vật tư, nguyên nhiên liệu, đặc biệt là giá xăng dầu, giá điện tăng rất nhiều) đều biến động tăng cao; công trình thủy lợi đầu tư từ hàng chục năm trước nên nhu cầu kinh phí bảo trì rất lớn.

Thứ năm, quy trình thủ tục, phương pháp lập phương án giá mất rất nhiều thời gian, trong khi kết quả tính toán trình lên các cấp phê duyệt không khác nhiều so với mức phí thực hiện từ các năm trước. Nguyên nhân, mức giá giá tối đa hiện đang bị ràng buộc bởi mức hỗ trợ. Như vậy, hiệu quả xây dựng phương án giá để đáp ứng nhu cầu thực tiễn là không cao vì xây dựng, bảo vệ phương án giá thì rất tốn công nhưng kết quả đã biết.

Thứ sáu, tồn tại một số vấn đề kỹ thuật trong quá trình lập phương án giá. Cụ thể:

- Một số nhiệm vụ (tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị; thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt...) có phạm vi phục vụ khó định lượng, sản phẩm mang tính chất trừu tượng dẫn tới khó khăn trong quá trình ký kết hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ và trong tính toán giá thành.

- Công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, với nhiều loại hình công trình, nhiều biện pháp tưới tiêu, nhiều loại hình tổ chức; công tác quản lý, khai thác phụ thuộc vào điều kiện địa hình... Trong khi phương pháp tính giá còn chưa chi tiết; dẫn đến nhiều khó khăn khi xác định căn cứ tỉ lệ phân bổ.

- Một số nội dung hướng dẫn (tính khấu hao tài sản cố định; lợi nhuận và trích quỹ khen thưởng phúc lợi; sử dụng kinh phí bảo trì; mức tính thuế VAT đối với các dịch vụ thủy lợi...) trong các văn bản chưa thống nhất, chưa phù hợp với đặc thù ngành thủy lợi khiến cho địa phương lúng túng khi áp dụng.

- Nghị định 96 hướng dẫn cách tính giá thủy lợi từ phương pháp chi phí. Tuy nhiên, còn một số loại hình dịch vụ thủy lợi mới khó áp dụng để tính toán, như: quang điện, dịch vụ du lịch, hoặc sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

5. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Luật Giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 [5]. Theo đó, (i) Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Bộ Tài chính quyết định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. (ii) Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của thuộc địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. (iii) Đối với công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư và công trình thủy lợi đầu tư xây dựng không sử dụng vốn nhà nước: Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được xác định theo hợp đồng giữa các bên.

Như vậy, về thẩm quyền và quy trình ban hành giá đã được Luật Giá năm 2023 sửa đổi đơn giản hơn, giao tối đa quyền quyết định mức giá cho địa phương. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính chỉ quyết định giá cho công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nhìn chung, đây cũng là hình thức phân công phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới, như tại Úc thì thẩm quyền được chuyển cho chính quyền các Bang, Liên bang chỉ can thiệp đối với những lưu vực sông liên vùng.

Hiện Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Giá năm 2023. Đây là cơ hội thay đổi cách tiếp cận, tính toán giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, đảm bảo phù hợp đặc thù của ngành.

Qua quá trình khảo sát, đánh giá, tổng hợp ý kiến từ nhiều địa phương, để chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khả thi, cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ và hướng dẫn Luật Giá sửa đổi cần xem xét, nghiên cứu một số nội dung, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần tiến hành khảo sát thực tiễn, đánh giá tổng thể, khách quan các khó khăn, vướng mắc tồn tại của chính sách hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu cách thức, phương pháp xác định giá của một số lĩnh vực, loại sản phẩm, dịch vụ khác trong nước (điện, nước, đất...); học tập kinh nghiệm từ một quốc gia trên thế giới có điều kiện gần với Việt Nam về cách thức vận hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi như Trung Quốc, Israel, Mexico, Hàn Quốc, Úc [6] để áp dụng cho lĩnh vực này ở Việt Nam.

Thứ hai, cần thay đổi cách tiếp cận phương pháp, cách thức xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo hướng đơn giản, phù hợp, để các đối tượng (chủ quản lý, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở) đều có thể xây dựng phương án giá nhưng vẫn đảm bảo có sự kiểm tra, kiểm soát đầy đủ. Nên tách biệt nguyên tắc, căn cứ, phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác vì bản chất 2 loại giá này rất khác biệt. Trong một số trường hợp rất khó để xác định giá tối đa hoặc khung giá theo phương pháp thông thường, Nhà nước nên quy định luôn giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để các địa phương, đơn vị áp dụng luôn.

Thứ ba, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phải được vận hành đúng theo cơ chế thị trường, được tính đúng, tính đủ, kể cả giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, không nên sử dụng trần dự toán ngân sách để khống chế giá tối đa. Chi phí bảo trì công trình thủy lợi phải được tính đầy đủ trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi mà không phân biệt tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đó có được kết chuyển thành vốn hay không. Những tài sản, công trình không được

trích khấu hao phải có cơ chế đầu tư sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa minh bạch, rõ ràng hơn.

Thứ tư, Nên tách bạch cơ chế giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với chính sách của Nhà nước về hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trường hợp Nhà nước vẫn hỗ trợ (trả thay người dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi), đề nghị sử dụng mức dự toán được thông báo làm giá tối đa cho các địa phương, đơn vị mà tránh phải làm thủ tục xây dựng phương án giá với trình tự, thủ tục rườm rà, tốn công sức không cần thiết.

Thứ năm, làm rõ cơ chế giá, trợ giá và cơ chế tài chính đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trong trường hợp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, bảo đảm minh bạch, bình đẳng về quyền và trách nhiệm giữa Nhà nước – doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các đối tượng hưởng lợi dịch vụ.

Thứ sáu, Luật Giá năm 2023 trao thẩm quyền, trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Điều này giảm bớt thủ tục, thời gian so với quy định hiện hành, nhưng cũng là thách thức với các địa phương. Do đó, các địa phương cần kiện toàn về số lượng và trình độ cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ bảy, cần tiếp cận cởi mở hơn trong quy trình xây dựng và ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, đặc biệt là giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác vì có giá là có cơ sở để tăng thu cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi, giảm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tạo điều kiện, động lực để các đơn vị khai thác công trình thủy lợi khai thác đa giá trị công trình thủy lợi, phục vụ đa mục tiêu cho các ngành sản xuất. Các cơ quan quản lý Nhà nước không quá lo ngại về việc thất thoát nguồn thu hoặc thiếu kiểm soát về chi phí, phân bổ thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp

vì đã có các cơ chế tài chính và cơ chế quản lý đối với các doanh nghiệp này (chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước) thông qua thực hiện các phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được quy định rất cụ thể, chặt chẽ.

Thứ tám, bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể để đơn vị khai thác chủ động trong thực hiện quyết định mức giá đối với công trình đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư và sử dụng nguồn thu mang lại nguồn lực cho đơn vị, nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước. Như vậy, mới có cơ hội, điều kiện thu hút nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước đối với lĩnh vực thủy lợi.

KẾT LUẬN

Chủ trương, chính sách chuyển từ phí sang giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để vận hành theo cơ chế thị trường là đúng đắn, rõ ràng, minh bạch, là một bước để chuyển từ “*thủy lợi phục vụ*” sang “*thủy lợi dịch vụ*”, đây cũng chính là thực hiện *tư duy kinh tế nông nghiệp* đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thúc đẩy mạnh mẽ. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực tiễn vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc phát sinh cần được giải quyết. Luật Giá số 16/2023/QH15 được ban hành đã quy định trình tự, thủ tục đơn giản hơn, giao tối đa quyền quyết định mức giá cho địa phương, nhưng để phương án giá phù hợp với đặc thù ngành thủy lợi thì cần có những hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn để các địa phương triển khai, áp dụng.

Với mong muốn cơ chế, chính sách về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được vận hành trơn tru, hiệu quả trong lĩnh vực thủy lợi, thời gian tới, quá trình triển khai xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, với tinh thần xử lý tận gốc vấn đề, cập nhật các nội dung mới của pháp luật về giá, các cơ quan liên quan của tài chính và thủy lợi sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ

hơn nữa, đồng hành cùng các địa phương, đơn vị khai thác công trình thủy lợi để xử lý các khó khăn, tồn tại, góp phần triển khai thành công cơ chế, chính sách này trong thực tiễn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật giá 2012 số 11/2012/QH13;
- [2] Luật Thủy lợi 2017 số 08/2017/QH14;
- [3] Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD), *Implementing Water Economics in the EU Water Framework Directive*, 2023
- [4] Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- [5] Luật Giá 2023 số 16/2023/QH15;
- [6] Ik-Chang Choi, *Water Policy Reforms in South Korea: A Historical Review and Ongoing Challenges for Sustainable Water Governance and Management*, 2017.